

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG NĂNG  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 9 năm 2020

*“V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Thu Trang.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Trần Đình Long.

2/ Bà Nguyễn Thị Chinh.

*Thư ký phiên tòa:* bà Lương Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1989. (Có mặt).

HKTT: TDP 1, phường A, thị xã B, tỉnh Đ.

Địa chỉ: Số 233 Hùng Vương, TDP Đ 3, phường , thị xã B, tỉnh Đ.

*Bị đơn:* Chị Lê Quỳnh N, sinh năm 1991. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 23/6/2020 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Đình T trình bày:*

Tháng 10/2009 anh và chị Lê Quỳnh N cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện K trên tinh thần tự nguyện yêu thương. Cuộc sống chung hạnh phúc trong một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, lý do vì vợ chồng còn trẻ, tính tình không hợp nhau, sau đó chị N bỏ về nhà cha mẹ để sinh sống và vợ chồng anh ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị N ly hôn.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng anh không có.

*Bị đơn chị Lê Quỳnh N tại phiên tòa hôm nay vắng mặt.*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với chị N nhưng chị N đều vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa chị Lê Quỳnh N vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Quỳnh N.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo trích lục kết hôn số 52/TLKH-BS ngày 22/6/2020 của UBND xã E, huyện K, tỉnh Đ thì xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Đình T và chị Lê Quỳnh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian ngắn chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình hai người không hợp nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ tháng 12/2009 đến nay hai người đã sống ly thân. Tại phiên tòa, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị N.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị N sinh sống đều xác nhận tình trạng hôn nhân của chị N và anh T có mâu thuẫn, hiện chị N sinh sống tại nhà mẹ đẻ (thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ).

Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, cho anh T được ly hôn với chị Lê Quỳnh N.

[3.2.] Về con chung: Không có.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[4]. Về án phí: Anh Nguyễn Đình T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên*

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình T được ly hôn với chị Lê Quỳnh N.

[2] Về án phí: Anh Nguyễn Đình T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng do anh Nguyễn Đình T đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2019/0009231 ngày 30/6/2020.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Năng;*
- *UBND xã Ea Hồ;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Thị Thu Trang**